

Bản án số: 112/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17-11-2022

V/v tranh chấp HNGĐ - Xin ly hôn,
nuôi con.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà **Trịnh Thùy Vân**
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông **Nguyễn Thanh Niên**
Bà **Nguyễn Thị Phụng**

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Tấn Lợi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 17 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 405/2022/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Xin ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 337/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 25/10/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Đỗ Văn T**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp 1, xã Hưng T, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Chị **Mai Kim C**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp 6, xã Phong M, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

(*Anh Thắng và chị Cúc có đơn xin xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải nguyên đơn anh **Đỗ Văn T trình bày:**

- Về hôn nhân: Anh T và chị C quen biết và có tổ chức đám cưới vào năm 2012, vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng ý kiến, vợ chồng không sống chung từ năm 2019 cho đến nay, trong thời gian ly thân hai bên có tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nhận thấy cuộc

sống không còn hạnh phúc và hôn nhân không đạt được mục đích. Nay anh T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng, cho anh T được ly hôn với chị Mai Kim C.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Đỗ Trọng T, sinh ngày 19/9/2014. Hiện con chung đang sống với chị Mai Kim C. Sau khi ly hôn anh T đồng ý cho chị C được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Trọng T, anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng từ ngày 17/11/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi có khả năng lao động.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 17/10/2022 bị đơn chị Mai Kim Cúc trình bày:

- Về hôn nhân: Chị C và anh T quen biết và có tổ chức đám cưới vào năm 2012, vợ chồng không có đăng ký kết hôn như anh T trình bày, vợ chồng sống chung không hợp nhau là đúng, vợ chồng không còn sống chung khoảng 3 năm nay. Nay vợ chồng không có khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị C đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Đỗ Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Đỗ Trọng T, sinh ngày 19/9/2021. Hiện con chung đang sống với chị Mai Kim C. Sau khi ly hôn chị C yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Đỗ Trọng T, chị C yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng từ ngày 17/11/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi có khả năng lao động.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ gồm:

1.02 căn cước công dân và 02 sổ hộ khẩu (bản photo);

2. Giấy khai sinh Đỗ Trọng T (bản sao).

3. Đơn xin xét xử vắng mặt của anh T (bản chính);

4. Đơn xin xét xử vắng mặt của chị C (bản chính);

5. 02 Đơn yêu cầu giải quyết sớm (bản chính).

6. Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản hòa giải ngày 17/10/2022.

Các tài liệu trong hồ sơ các đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 17/10/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đỗ Văn T về việc ly hôn, không công nhận quan hệ vợ chồng với chị Mai Kim C, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con” theo quy định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện đang cư trú tại xã Phong M, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Xét thấy, nguyên đơn anh Đỗ Văn T và bị đơn chị Mai Kim C có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung, xét yêu cầu của nguyên đơn: Anh T và chị C sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2012, vợ chồng không có đăng ký kết hôn và thừa nhận hai bên đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể tiếp tục duy trì đời sống vợ chồng với nhau, vợ chồng không còn sống chung từ năm 2019 cho đến nay. Mặc dù, việc sống chung của anh T và chị C đều được hai bên thừa nhận nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật để được công nhận là vợ chồng. Do đó, không phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định “...*Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...*”. Vì vậy, không công nhận anh Đỗ Văn T và chị Mai Kim C là vợ chồng.

- Về con chung: Anh Đỗ Văn T và chị Mai Kim C xác nhận vợ chồng có một con chung tên Đỗ Trọng T, sinh ngày 19/9/2014. Hiện con chung đang sống với chị Mai Kim C. Sau khi ly hôn anh T đồng ý cho chị C được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Trọng T, anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng từ ngày 17/11/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi có khả năng lao động. Quá trình

tham gia tố tụng, chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng từ ngày 17/11/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi có khả năng lao động.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Đỗ Văn T và chị Mai Kim C đã thống nhất về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con như sau: Chị Mai Kim C được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đỗ Trọng T, sinh ngày 19/9/2014, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng từ ngày 17/11/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi có khả năng lao động. Xét thấy sự thỏa thuận trên là tự nguyện và phù hợp các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

Anh Đỗ Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Anh T và chị C trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Anh T và chị C trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Anh Đỗ Văn T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Đỗ Văn T:

- Về hôn nhân: Không công nhận anh Đỗ Văn T và chị Mai Kim C là vợ chồng.

- Về con chung: Chị Mai Kim C được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đỗ Trọng T, sinh ngày 19/9/2014, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng

1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng từ ngày 17/11/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi có khả năng lao động.

Anh Đỗ Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Anh Đỗ Văn T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0009869 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Anh T còn phải nộp thêm số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trịnh Thùy Vân

